

PHỤ LỤC

BẢNG SO SÁNH ĐIỀM MỚI CỦA ĐIỀU LỆ SEABANK NĂM 2021

(kèm theo Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát SeABank tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
Điều lệ này do Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á thông qua việc sửa đổi nội dung vốn điều lệ theo Nghị quyết số 7 Đại hội đồng cổ đông thương hiệu năm 2020 ngày 29 tháng 04 năm 2020 và thay thế bản Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thương hiệu năm 2020 thông qua	Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua và thay thế bản Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên và Hội đồng Quản trị thông qua trong năm 2020	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế
Thuật ngữ “Kiểm soát viên”	Sửa thành “Thành viên Ban Kiểm soát”	Phù hợp với Luật các TCTD 2010
<b>Điều 1 – Định nghĩa</b>		
<i>Chưa quy định</i>	“BKS” được hiểu là Ban kiểm soát của SEABANK.	
“Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần các loại đã bán	Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán	Sửa đổi khái niệm này theo quy định tại Điều 4.34 và Điều 112 Luật DN 2020
Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của SEABANK sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính	“Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác	Bổ nội dung này do Điều 4.5 Luật DN 2020 đã không còn quy định này
“Sổ đăng ký cổ đông” là một tài liệu bằng văn bản hay tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật	“Sổ đăng ký cổ đông” có thể là văn bản, tệp dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông SEABANK. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật	Sửa đổi quy định này theo quy định tại Điều 122.1 Luật DN 2020

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
<p>“Cấp tín dụng” là việc SEABANK thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác</p>	<p>“Cấp tín dụng” là việc SEABANK thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, phát hành thẻ tín dụng, bảo lãnh ngân hàng, cam kết phát hành dưới hình thức thư tín dụng chứng từ (L/C) và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm cả việc cấp tín dụng từ nguồn vốn của pháp nhân khác mà SEABANK chịu rủi ro theo quy định của pháp luật</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung này theo Luật SD, BS Luật 22/2019/TT-NHNN</p>
<p>“Người có liên quan” được hiểu là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) SEABANK với công ty con của SEABANK và ngược lại; các công ty con của SEABANK với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của SEABANK, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;</li> <li>b) SEABANK với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của SEABANK hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;</li> <li>c) SEABANK với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% Vốn Điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại SEABANK và ngược lại;</li> <li>d) Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;</li> <li>e) SEABANK với cá nhân theo quy định tại điểm d khoản này của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% Vốn Điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SEABANK và ngược lại;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) “Người có liên quan” được hiểu là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:</li> <li>b) SEABANK với công ty con của SEABANK và ngược lại; các công ty con của SEABANK với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của SEABANK, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;</li> <li>c) SEABANK với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của SEABANK hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;</li> <li>d) SEABANK với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% Vốn Điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại SEABANK và ngược lại;</li> <li>e) Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;</li> <li>f) SEABANK với cá nhân theo quy định tại điểm d khoản này của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% Vốn Điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SEABANK và ngược lại;</li> </ul>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung này theo Luật SD, BS Luật các TCTD</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
f) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phân vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;	g) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phân vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;  h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 (hoặc "LDN 2020") có nghĩa là Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
Luật Doanh nghiệp 2010	Tên, địa điểm đặt trụ sở chính và thời gian hoạt động của ngân hàng	Sửa đổi theo Điều 31.1.a Luật các TCTD
Điều 3 Tên điều: Tên, địa chỉ và thời gian hoạt động của ngân hàng	Số 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Đảm bảo phù hợp với thực tế của Ngân hàng
Điều 5 - Người đại diện theo pháp luật của SEABANK	3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi người đại diện theo pháp luật của SEABANK trở lại làm việc tại SEABANK hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của SEABANK..	Sửa đổi, bổ sung nội dung này theo quy định tại Điều 12.4.b Luật DN 2020
3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật trở lại làm việc hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của SEABANK	Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cầm hành nghề hoặc làm công việc nhất định	Bổ sung theo quy định tại Điều 12.5 Luật DN 2020
4. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì HĐQT cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của SEABANK	Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cầm hành nghề hoặc làm công việc nhất định	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
	thì HĐQT cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của SEABANK	Sửa đổi, bổ sung nội dung theo Điều 13.1.c luật DN 2020
5.c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho SEABANK về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác;	5.c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho SEABANK về doanh nghiệp mà mình và, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi, bổ sung nội dung theo Điều 13.2 luật DN
Không quy định	6. Người đại diện theo pháp luật của SEABANK chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản này	Điều 7.3
Điều 18. Các hoạt động kinh doanh khác của SEABANK	<p><i>Công bố thời gian giao dịch chính thức và không được tự ý ngưng giao dịch vào thời gian đã công bố. Trường hợp ngưng giao dịch trong thời gian giao dịch chính thức, SEABANK phải niêm yết nơi giao dịch chậm nhất là 24 giờ trước thời điểm ngưng giao dịch.</i></p> <p>Điều 18. Các hoạt động kinh doanh khác của SEABANK</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.</li> <li>Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.</li> <li>Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.</li> <li>Dịch vụ môi giới tiền tệ</li> <li>Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.</li> <li>Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.</li> </ol>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung theo Điều 10.5 Luật các TCTD 2010</p> <p>Bổ sung theo quy định tại Điều 10.5 Luật các TCTD 2010</p> <p>Sửa đổi để phù hợp với các nghiệp vụ đã được NHNN chấp thuận</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
7. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ. 8. Ví điện tử.	7. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ. 8. Ví điện tử.  9. <i>Hoạt động mua, bán nợ</i>  10. <i>Các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật và NHNN.</i>	Vì các văn bản về cấp tín dụng nội bộ đã quy định và đây không phải là nội dung bắt buộc phải có trong Điều lệ theo quy định tại Điều 31 Luật các TCTD.
Điều 21. Xét duyệt cấp tín dụng và các vấn đề có liên quan đến hoạt động cấp tín dụng  Điều 22. Lưu giữ hồ sơ tín dụng	Bãi bỏ	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 112. 5 Luật DN 2020
Điều 25.3 – Thay đổi vốn điều lệ  3. Các trường hợp giảm vốn điều lệ: 3.1 Các trường hợp buộc phải giảm vốn điều lệ:	Điều 23.3 Các trường hợp giảm vốn điều lệ của SEABANK: a) <i>SEABank mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của LDN 2020;</i>  b) <i>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</i>	Trong các trường hợp này, SEABANK phải tổ chức ĐHĐCD bất thường hoặc đưa ra ĐHĐCD thường niên để quyết định biện pháp xử lý giảm vốn điều lệ sau khi đã xử lý bằng các biện pháp tài chính khác (sử dụng quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để bù đắp; góp thêm vốn để xử lý....) mà vẫn không khắc phục được. Việc giảm vốn điều lệ gắn liền với việc giảm mệnh giá hoặc giảm số lượng cổ phần hoặc đồng thời cả hai hình thức này.
	a) Lỗ trong 03 năm liên tiếp: SEABANK phải giải quyết giảm vốn điều lệ tương ứng với số lỗ lũy kế đến năm thứ 3; b) Số vốn góp có nguồn gốc không hợp pháp hoặc người góp vốn không đảm bảo tu cách cổ đông theo kết luận của Thanh tra; c) Giảm giá tài sản cổ định khi đánh giá lại tài sản theo quy định của pháp luật; d) Các trường hợp buộc phải giảm vốn điều lệ khác theo quy định của pháp luật.	Điều 26.3.a và b và Điều 26.5 a) Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cổ định và cổ tức thường. Cổ tức cổ phần phụ thuộc
Điều 28. Cổ phần	Điều 26.3.a và b và Điều 26.5 3 a ...Tổng giá trị mệnh giá của cổ phần ưu đãi cổ tức tối đa bằng 20% vốn điều lệ của SEABANK... b. Cổ phần ưu đãi biểu quyết. Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phò	Bổ sung nội dung này theo quy định tại Điều 117.3 và Điều 116.1, Điều 116.3 Luật DN 2020 và Điều 52 Luật các TCTD.

<p><b>Điều lệ cũ</b></p> <p>thông. Số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Đại hội đồng cổ đông quyết định.<sup>1</sup> Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền như cổ đông phổ thông, trừ quyền chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác.</p> <p>5. Không quy định.</p>	<p><b>Điều lệ mới</b></p> <p>vào kết quả kinh doanh của SEABANK và chỉ được trả khi SEABANK có lãi. Trường hợp SEABANK kinh doanh thua lỗ hoặc cổ lãi nhưng không đủ để chia cổ tức cố định thì cổ tức cố định trả cho cổ phần ưu đãi cổ tức được cộng dồn vào các năm tiếp theo. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thường do ĐHĐCD quyết định và được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức. Tổng giá trị mệnh giá của cổ phần ưu đãi cổ tức tối đa bằng 20% vốn điều lệ của SEABANK.</p> <p>Thành viên HDQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người quản lý, người điều hành khác của SEABANK không được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do SEABANK phát hành. Người được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do ĐHĐCD quyết định.</p> <p>Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp ĐHĐCD, đề cử người vào HDQT và BKS, trừ trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>b) Cổ phần ưu đãi biểu quyết. Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần <i>phổ thông</i> có <i>nhiều hơn</i> phiếu biểu quyết so với cổ phần phổ thông khác. Đối tượng được sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của SeaBank trong từng thời kỳ.</p>	<p>Cơ sở để sửa đổi, bổ sung</p>
--	--	----------------------------------

<sup>1</sup> Khoản 1 Điều 116 LDN 2014.

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
Điều 29.	<p>5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của ĐHĐCD.</p>	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 121 Luật DN 2020
Điều 29.	<p>Điều 27. 1. Cổ phiếu</p> <p>1. HDQT quyết định việc phát hành, quản lý cổ phiếu dưới hình thức chứng chỉ và/hoặc bút toán ghi sổ và/hoặc dữ liệu điện tử. Cổ phiếu của SEABANK bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của SEABANK;</li> <li>b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</li> <li>c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</li> <li>d) Họ, tên, địa chỉ <i>liên lạc</i>, quốc tịch, số <i>giấy tờ pháp lý</i> của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số <i>giấy tờ pháp lý</i> của <i>tổ chức</i>, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</li> <li>e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của SEABANK;</li> <li>f) Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu;</li> <li>g) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật hoặc/và theo quy định của SEABANK trong từng thời kỳ.</li> </ul> <p>⇒ <u>Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>f) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của SEABANK (nếu có);</li> <li>g) Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu;</li> <li>h) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật hoặc/và theo quy định của SEABANK trong từng thời kỳ.</li> </ul>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 121 Luật DN 2020 và Điều 58 Luật các duới hình thức khác thi cổ đồng được SEABANK cấp lại cổ</p> <p>Điều 27.4 và 6</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị <i>hiệu hoại</i> dưới hình thức khác thi cổ đồng được SEABANK cấp lại cổ</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
<p>phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:</p> <p>a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả SEABANK để tiêu hủy.</p> <p>b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p> <p>c) Trả phí theo quy định của SEABANK.</p> <p>Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mươi triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của SEABANK có thể yêu cầu chia sẻ hàng cổ phiếu đang thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị SEABANK cấp cổ phiếu mới.</p> <p>6. Sau khi cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua khi SEABANK tăng vốn điều lệ, SEABANK phải phát hành cổ phiếu mới cho các cổ đông trong trường hợp cổ phiếu phát hành dưới hình thức chứng chỉ</p>	<p>phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác.</p> <p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p> <p>c) Trả phí theo quy định của SEABANK.</p> <p>6. SEABANK sẽ phát hành cổ phiếu mới cho các cổ đông trong trường hợp cổ phiếu phát hành dưới hình thức chứng chỉ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua và SeABank đã được NHNN chấp thuận điều chỉnh giấy phép hoạt động về vốn điều lệ theo quy định.</p>	<p>TCTD, thực tế của việc phát hành chứng khoán tăng vốn điều lệ.</p>
<p>Điều 30. Tỷ lệ sở hữu cổ phần</p> <p>Không quy định</p>	<p>Điều 28. 5 Tỷ lệ sở hữu cổ phần</p> <p>5. <i>Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại SeABank là 0%. Giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa để đảm bảo phù hợp với diễn biến thị trường và không vượt quá tỷ lệ theo quy định của Pháp luật. Việc thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài thực hiện theo quy định của Pháp luật.</i></p>	<p>Bổ sung theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ được lấy ý kiến bằng văn bản ngày 10/3/2021.</p>
<p>Điều 31.1</p>	<p>1. Chào bán cổ phần là việc SEABANK tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng Vốn điều lệ của Ngân hàng</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 124 LDN 2020</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
Chào bán cổ phần là việc SEABANK tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng Vốn điều lệ của Ngân hàng	<p>3. Điều kiện, trình tự, thủ tục chào bán cổ phần của SEABANK được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cỗ đồng và người nhận chuyển quyền mua hết thì HĐQT có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cỗ đồng của SEABANK và/ hoặc người khác với điều kiện không thuần lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cỗ đồng, trừ trường hợp DHĐCD có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p> <p>4. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 40 Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của SEABANK.</p>	Sửa đổi, bổ sung nội dung theo Điều 124.3 Luật DN 2020

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
Điều 32.1 và 3 Bán cổ phần 1. Cổ phần của SEABANK có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, <del>giá trị</del> quyền sử dụng đất, <del>giá trị</del> quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam được quy định tại Điều lệ và theo các quy định của pháp luật phải được thanh toán đủ một lần	Điều 29.1 và 3 1. Cổ phần của SEABANK có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam được quy định tại Điều lệ và theo các quy định của pháp luật phải được thanh toán đủ một lần.	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 131 Luật DN 2020
3. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của SEABANK và phải được ĐHĐCĐ thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan	3. Trường hợp góp vốn bằng quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của SEABANK và phải được ĐHĐCĐ thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.	
Điều 33.3.d Thành viên HDQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất bắt buộc;	Bổ	Sửa đổi phù hợp với Điều 56 Luật các TCTD, không có quy định về trường hợp này
Điều 33.4 Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện các thủ tục chuyển nhượng: <sup>2</sup> a) Chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông lớn; b) Chuyển nhượng cổ phần dẫn đến Cổ đông lớn trở thành cổ đông thường và ngược lại	Điều 31.3 . Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện các thủ tục chuyển nhượng: <sup>3</sup> a) Mua bán, chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông lớn; b) Mua bán, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến Cổ đông lớn trở thành cổ đông thường và ngược lại.	Bổ sung theo Điều 29.1 đ Luật các TCTD

<sup>2</sup> Điều 1 khoản 1 Điều 29 Luật các TCTD năm 2010.  
<sup>3</sup> Điều 1 khoản 1 Điều 29 Luật các TCTD năm 2010.

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
Điều 33.5, 33.6, 33.7 và 33.8 5. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền hợp pháp của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. 6. Trường hợp cỗ đồng là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cỗ đồng đó là cỗ đồng của SEABANK.	Điều 31.5,6,7,8,9,10 5. Việc chuyển nhượng được thực hiện thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. 6. Trường hợp cỗ đồng là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cỗ đồng đó <i>trở thành</i> cỗ đồng của SEABANK. 7.Trường hợp cỗ đồng là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế theo quy định của pháp luật về dân sự. 8.Cỗ đồng có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại SEABANK cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cỗ đồng của SEABANK. 9.Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cỗ đồng SEABANK từ thời điểm các thông tin của họ <i>quy định tại khoản 2 Điều 38 của Điều lệ này</i> được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cỗ đồng. 7. Trường hợp cổ phần của cỗ đồng là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự. 8. Cỗ đồng có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại SEABANK cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cỗ đồng của SEABANK. 9.Trường hợp cỗ đồng chuyển nhượng một số cổ phần thì cỗ phiếu cũ bị hủy bỏ và SEABANK sẽ phát hành cỗ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại. 10. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cỗ đồng SEABANK từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cỗ đồng.	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 127 LDN 2020 Bổ quy định về việc HDQT xây dựng cơ chế ủy quyền, phân công công việc trong nội bộ HDQT, BKS, Ban TGĐ phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo việc quản trị điều hành SEABANK được an toàn, hiệu quả và thông suốt.

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
Điều 37. Cổ đông 2 Cổ đông là những người sở hữu cổ phần của SEABANK và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.  3.a. Cổ đông có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông của SEABANK có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.	Điều 35. 2. Bãi bỏ  <i>3.a Tùy chức là cổ đông có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông của SEABANK có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền</i>	Vì đã có quy định tại Điều 1 của Điều lệ và bổ sung theo Điều 14.2.b Luật DN 2020
Điều 37.3.d Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: i. <del>Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;</del> ii. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp; iii. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác do Điều lệ và pháp luật quy định.	Điều 35.3.d Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: i. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp; ii. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác do pháp luật quy định.	Bãi bỏ và sửa đổi theo Điều 14.5 Luật DN 2020
Điều 37.3.e tiết ii và iii: ii. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của ĐHCCĐ; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông <del>ủy quyền</del> . iii. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông <del>ủy quyền</del> do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông <del>ủy quyền</del> chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.	Điều 35.3.e tiết ii và iii: ii. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của ĐHCCĐ; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông <i>cử đại diện</i> . iii. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông <i>cử đại diện</i> do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Cổ đông <i>cử đại diện</i> chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền	Sửa đổi theo Điều 15.2 và 15.3 Luật DN 2020

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
Điều 38.1.i Uy quyền cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ủy quyền lại và không được ứng cử với tư cách của chính mình.	Điều 36.1.i Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ủy quyền lại và không được ứng cử với tư cách của chính mình.	Bổ sung theo quy định tại Điều 53.9 Luật các TCTD
	<i>Được ứng cử, để cử người vào HĐQT, BKS theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới HDQT theo thời hạn do HDQT quy định.</i>	Bổ sung theo quy định tại Điều 53.9 Luật các TCTD
	<i>Được đối xử bình đẳng.</i>	Bổ sung quy định này theo Điều 41 Luật chứng khoán 2019
	Được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp SEABANK có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCD thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông	Bãi bỏ
Điều 38.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:	Điều 36.2.	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 115 Luật DN 2020 và Luật các TCTD
1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng có thêm các quyền sau: <sup>4</sup>	2. <i>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:</i> <sup>6</sup> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HDQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của SEABANK.</li> <li>b) Yêu cầu triệu tập ĐHĐCD trong trường hợp HDQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của</li> </ul>	
	a) Để cử người vào HDQT và BKS (nếu có). Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới HDQT theo thời hạn do HDQT quy định. Số lượng ứng cử viên mà mỗi cổ đông hoặc mỗi nhóm cổ đông có quyền đề cử phụ thuộc vào tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của mỗi cổ đông hoặc mỗi nhóm cổ đông.	

<sup>4</sup> Khoản 2 Điều 114 Luật DN 2014.

<sup>6</sup> Khoản 2 Điều 115 Luật DN 2020.

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
b) Yêu cầu triệu tập ĐHĐCD trong các trường hợp sau <sup>5</sup> :		
i. HDQT vi phạm nghiêm trọng quyềnlý của cổ đông nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt thẩm quyền được giao;	c) Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của SEABANK khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của SEABANK, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCD. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HDQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.	người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
c) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HDQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của BKS;	d) Các quyền khác quy định tại Điều lệ và phù hợp với quy định của pháp luật.	
d) Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của SEABANK khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số số sổ chính, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phò thông trở lên có quyền đề cử người vào HDQT, BKS. Việc đề cử người vào HDQT và BKS thực hiện theo Điều 75 Điều lệ của SeABank và các quy định của pháp luật có liên quan.	i. HDQT vi phạm nghiêm trọng quyềnlý của cổ đông nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt thẩm quyền được giao;
	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phò thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền yêu cầu triệu tập ĐHĐCD.	
	5. Cổ đông và nhóm cổ đông quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều này yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCD phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ	

<b>Điều lệ cũ</b>	<b>Điều lệ mới</b>	<b>Cơ sở để sửa đổi, bổ sung</b>	
nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cá nhân có nhóm cổ phần của cá nhân có đóng và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của SEABANK, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCD. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HDQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.	số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cá nhân có đóng và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của SEABANK, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCD. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HDQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.	Bổ sung khoản này theo quy định tại Điều 115.6 Luật DN 2020	
Không quy định	Điều 36.6 Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Sửa đổi, bổ sung theo điểm b khoản 1 Điều 54 Luật Các TCTD và quy định về chịu trách nhiệm	
	Điều 37.1. b Thanh toán dù số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do SEABANK quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của SEABANK trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào SEABANK;	c. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại SEABANK; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của SEABANK; không được góp vốn, mua cổ phần của SEABANK dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;	Sửa đổi, bổ sung theo điểm b khoản 1 Điều 54 Luật Các TCTD
e) Chấp hành Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của SEABANK.	e) Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của SEABANK.	Bổ sung theo Điều 119.5 Luật DN 2020	
	Điều 37.1.g Bảo mật các thông tin được SEABANK cung cấp theo quy định tại Điều lệ SEABANK và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được SEABANK cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;		

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
Điều 40.1 SEABANK phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp GCN ĐKDN. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai:	Điều 38. 1 SEABANK phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp GCN ĐKDN. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy; tệp dữ liệu điện tử <i>ghi nhận thông tin sổ hữu cổ phần của các cổ đông SEABANK</i>	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 122.1 Luật DN 2020
Điều 40.2.d Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn hộ/căn nhà thuê cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.	Điều 38.2.d Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc sổ giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 122.2.d Luật DN 2020
Điều 40.3 Sổ đăng ký cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SEABANK hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký cổ đông trong thời gian làm việc của SEABANK hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.	Điều 38.3 Sổ đăng ký cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SEABANK hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam <i>hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông</i> . Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông SEABANK trong sổ đăng ký cổ đông.	Sửa đổi theo Điều 122.3 Luật DN 2020
Điều 40.4 Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ nhận thư phải thông báo kịp thời với SEABANK để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông. SEABANK không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông	Điều 38.4 Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ <i>liên lạc</i> thì phải thông báo kịp thời với SEABANK để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông. SEABANK không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thay đổi địa chỉ của cổ đông.	Sửa đổi theo Điều 122.3 Luật DN 2020
Không quy định	Điều 38.5 SEABANK phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông và phù hợp với quy định pháp luật của có liên quan.	Bổ sung theo quy định tại Điều 122.5 Luật DN 2020
Điều 41. Đại hội đồng cổ đông 41.1.c Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của HDQT, BKS của SEABANK.	Điều 39.1.c Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của HDQT, BKS, <i>Quy chế nội bộ về quản trị công ty</i> của SEABANK.	Bổ sung theo quy định tại Điều 138.2.m LDN 2020
Điều 41.1.e Chưa quy định	39.1.e <i>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của SEABANK.</i>	Bổ sung theo quy định tại Điều 138.2.m LDN 2020

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 41.1.q. Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>i. SEABANK với thành viên HDQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người có liên quan <del>eửa</del> <del>người</del> <del>quản lý</del>, thành viên BKS SeABank;</li> <li>ii. SEABANK với Cổ đông lớn, người có liên quan của Cổ đông lớn của SEABANK;</li> </ul> <p>SEABANK với công ty con, công ty liên kết của SEABANK.</p>	<p>Điều 39.1.q. Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>i. SEABANK với thành viên HDQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;</li> <li>ii. SEABANK với Cổ đông lớn, người có liên quan của Cổ đông lớn của SEABANK;</li> </ul> <p>SEABANK với công ty con, công ty liên kết của SEABANK.</p>	<p>Chỉnh sửa theo quy định tại Điều 63.10 Luật các TCTD 2020</p>
<p>Điều 42. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. DHDCD họp thường niên mỗi năm họp một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, DHDCD có thể họp bất thường. DHDCD phải được triệu tập và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam. Địa điểm cụ thể do HDQT quyết định rõ ràng. <i>Địa điểm họp DHDCD cụ thể do HDQT quyết định và được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</i></li> <li>2. DHDCD phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <i>HDQT quyết định gia hạn họp DHDCD thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i></li> <li>3. DHDCD phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <i>HDQT quyết định gia hạn họp DHDCD thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i></li> <li>4. DHDCD thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của SEABANK;</li> <li>b) Báo cáo tài chính hàng năm;</li> <li>c) Báo cáo của HDQT về hoạt động quản trị và kết quả hoạt động của HDQT và từng thành viên HDQT của SEABANK;</li> <li>d) Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của SEABANK, về kết quả hoạt động của HDQT, Tổng Giám đốc;</li> </ul>	<p>Bổ sung nội dung này theo quy định tại Điều 139.1, 139.2 và Điều 140 Luật DN 2020</p> <p>Điều 40. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <i>HDQT triệu tập họp DHDCD thường niên và bất thường. HDQT triệu tập họp DHDCD bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.</i></li> <li>2. <i>DHDCD họp thường niên mỗi năm họp một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, DHDCD có thể họp bất thường. Địa điểm họp DHDCD cụ thể do HDQT quyết định và được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</i></li> <li>3. <i>ĐHD_CD phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HDQT quyết định gia hạn họp DHD_CD thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i></li> <li>4. <i>DHD_CD thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</i></li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của SEABANK;</li> <li>b) Báo cáo tài chính hàng năm;</li> <li>c) Báo cáo của HDQT về hoạt động quản trị và kết quả hoạt động của HDQT và từng thành viên HDQT của SEABANK;</li> <li>c) Báo cáo của HDQT về hoạt động quản trị và kết quả hoạt động của HDQT và từng thành viên HDQT của SEABANK;</li> </ul>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng thành viên BKS.	d) Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của SEABANK, về kết quả hoạt động của HDQT, Tổng Giám đốc;	
f) Mức cỗ túc đối với mỗi cỗ phần của từng loại;	e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng thành viên BKS.	
g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.	f) Mức cỗ túc đối với mỗi cỗ phần của từng loại;	
3. DHDCD bắt thường được triệu tập theo quyết định triệu tập họp của HDQT trong các trường hợp sau đây:	g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.	
a) HDQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của SEABANK;	5. DHDCD bắt thường được triệu tập theo quyết định triệu tập họp của HDQT trong các trường hợp sau đây: <sup>7</sup>	
b) Khi số thành viên HDQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật hoặc quy định của Điều lệ SEABANK;	a) HDQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của SEABANK;	
c) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục tối thiểu là 6 tháng;	b) Khi số thành viên HDQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật hoặc quy định của Điều lệ SEABANK;	
d) Theo yêu cầu của BKS;	c) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục tối thiểu là 6 tháng;	
e) Theo yêu cầu của NHNN trong trường hợp xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của SEABANK để quyết định về nội dung NHNN yêu cầu;	d) <i>Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong trường hợp HDQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện theo khoản 5 Điều 36 Điều lệ này;</i>	
f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.		
4. HDQT phải triệu tập họp DHDCD trong vòng 60 ngày kể từ ngày số thành viên HDQT, BKS còn lại như quy định tại điểm b) khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c), d), e) khoản 3 Điều này.		
5. Trường hợp HDQT không triệu tập cuộc họp DHDCD, thi trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, BKS thay thế HDQT triệu tập DHDCD theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.		
6. Trường hợp BKS không triệu tập cuộc họp DHDCD, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều	e) Theo yêu cầu của BKS;	
	f) Theo yêu cầu của NHNN trong trường hợp xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của SEABANK để quyết định về nội dung NHNN yêu cầu;	
	g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	

<sup>7</sup> Khoản 1 Điều 59 Luật các TCTD năm 2010.

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
38 Điều lệ này có quyền đại diện SEABANK triệu tập họp ĐHĐCD theo quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan. <del>Trong trường hợp này, có đồng hoặc nhóm cõ đồng thiệu tập họp ĐHĐCD có thể để nghị cõ quan - đăng ký kinh doanh giám sát việc triều đại và tiến hành họp, nếu xét thấy cần thiết.</del>	<p>6. HDQT phải triệu tập họp ĐHĐCD trong vòng 60 ngày kể từ ngày số thành viên HDQT, BKS còn lại như quy định tại điểm b) khoản 4 Điều này hoặc ngày nhận được yêu cầu quy định tại điểm c), d), e), f) khoản 5 Điều này.</p> <p>8. Trương họp BKS không triệu tập cuộc họp ĐHĐCD, Cõ đồng hoặc nhóm cõ đồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 Điều lệ này có quyền đại diện SEABANK triệu tập họp ĐHĐCD theo quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 141.3 LDN 2020 và Điều 273.1 ND 155/2020
Điều 43. Danh sách cõ đồng có quyền dự họp Đại hội đồng cõ đồng	<p>Điều 41. Danh sách cõ đồng có quyền dự họp Đại hội đồng cõ đồng</p> <p>1. Danh sách cõ đồng có quyền dự họp ĐHĐCD được lập dựa trên Sổ đăng ký cõ đồng của SEABANK. Danh sách cõ đồng có quyền dự họp ĐHĐCD được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCD. SEABANK phải công bố thông tin về việc lập danh sách cõ đồng có quyền tham dự họp ĐHĐCD tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.<sup>8</sup></p> <p>2. Danh sách cõ đồng có quyền dự họp ĐHĐCD phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số <del>Thẻ-eăn-euée-eông-dânn/ Giấy-ehưng-minh-nhân-dân</del>, Hệ-chiếu-hoặc-chứng-thực cá nhân hợp pháp khác của cõ đồng là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cõ đồng là tổ chức; số lượng cõ phần từng loại, số và ngày đăng ký cõ đồng của từng cõ đồng.</p> <p>3. Mỗi cõ đồng đều có quyền được eung-eak-eae-thông-tin-liênn-quan-đến-mình đượec ghi-trong-danh-sách-cõ-dồng-eo-đóng-eo-quyền-eo-hợp-DHĐCD. Cõ đồng có quyền yêu cầu người triệu tập họp ĐHĐCD sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cõ đồng có quyền dự họp ĐHĐCD. Trình tự, thủ tục yêu</p>	

<sup>8</sup> Khoản 1 Điều 8 ND 71/2017/NĐ-CP.  
<sup>9</sup> Khoản 1 Điều 273 ND 155/2020/NĐ-CP.

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
e) quyền dự họp DHDCD. Người quản lý SEABANK phải cung cấp kịp thời thông tin số đăng ký có đồng thời hiện theo quy định tại Điều lệ này.	cần cung cấp thông tin trong số đăng ký có đồng thời hiện theo quy định tại Điều lệ này.	Sửa đổi, bổ sung theo quy định Điều 142.3 và Điều 152.2 Luật DN 2020
3. Người triệu tập họp DHDCD chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này trong các trường hợp sau đây:	Điều 42. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này trong các trường hợp sau đây:	
a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;	a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;	
b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của DHDCD;	b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của DHDCD;	
c) Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ SEABANK và/hoặc không phù hợp với các quy định của pháp luật.	c) Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ SEABANK và/hoặc không phù hợp với các quy định của pháp luật.	Sửa đổi, bổ sung theo quy định Điều 142.3 và Điều 152.2 Luật DN 2020
4. DHDCD phải thảo luận và biểu quyết thông qua các quyết định về các vấn đề được đưa vào chương trình họp. Trường hợp tất cả các Cổ đông đại diện 100% số vốn có phần e-mail riêng biệt quyết truy tiếp tham gia hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại DHDCD, những quyết định được DHDCD nhất trí thông qua đều được coi là hợp pháp ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình	5. DHDCD phải thảo luận và biểu quyết thông qua các quyết định về các vấn đề được đưa vào chương trình họp. Nghị quyết DHDCD được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ SEABANK.	

Điều 45. Mời họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 44. Mời họp Đại hội đồng cổ đông
<ol style="list-style-type: none"><li>Người triệu tập họp DHĐCDCD phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc.</li><li>Thông báo mời họp DHĐCDCD phải có tên, địa chỉ, trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, <del>hoi</del> đăng ký kinh doanh của SEABANK; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc <del>nguoi</del> đại diện theo ủy quyền <del>cua</del> cỗ đong; thời gian và địa điểm họp; và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</li><li>Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức <del>de</del> bao gồm điện được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của SEABANK; trường hợp SEABANK xét thấy cần thiết thì đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương. Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho SEABANK về số fax, địa chỉ email, thông báo họp DHĐCDCD có thể gửi tới số fax, địa chỉ email, thông báo cho SEABANK về số fax, địa chỉ email, thông báo họp DHĐCDCD có thể gửi tới số fax, địa chỉ email đó. Trong trường hợp là nhân viên của SEABANK, thông báo có thể được gửi tới nơi làm việc của từng cá nhân trong các phong bì dán kín.</li><li>Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:<ol style="list-style-type: none"><li>Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và <del>dự</del> thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</li><li>Phiếu biểu quyết;</li><li>Mẫu <del>chi</del> định <del>đại</del> điện theo <del>ay</del> quyền <del>du</del> họp.</li></ol></li><li>Việc gửi tài liệu họp theo Thông báo mời họp quy định tại khoản 4 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của SEABANK. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tài liệu và SEABANK sẽ gửi tài liệu họp cho cỗ đong <del>neu</del> <del>đóng yêu cầu</del>.</li></ol>	<ol style="list-style-type: none"><li>Người triệu tập họp DHĐCDCD phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông <del>trong danh sách có đóng có quyền</del> dự họp chậm nhất là 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc.</li><li>Thông báo mời họp DHĐCDCD phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ <i>liên lạc</i> của cổ đông; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</li><li>Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức <del>de</del> bao gồm điện được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của SEABANK; trường hợp SEABANK xét thấy cần thiết thì đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương. Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho SEABANK về số fax, địa chỉ email, thông báo họp DHĐCDCD có thể gửi tới số fax, địa chỉ email đó. Trong trường hợp là nhân viên của SEABANK, thông báo có thể được gửi tới nơi làm việc của từng cá nhân trong các phong bì dán kín.</li><li>Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:<ol style="list-style-type: none"><li>Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và <del>dự</del> thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</li><li>Phiếu biểu quyết;</li><li>Việc gửi tài liệu họp theo Thông báo mời họp quy định tại khoản 4 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của SEABANK. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tài liệu và SEABANK sẽ gửi tài liệu họp cho cỗ đong <del>neu</del> <del>đóng yêu cầu</del>.</li></ol></li></ol>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
<p><b>Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp DHĐCD hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Điều 37 Điều lệ này thì ủy quyền cho người khác dự họp DHĐCD.</li> <li>2. Việc ủy quyền cho một người khác dự họp DHĐCD phải được lập bằng văn bản theo mẫu do SEABANK phát hành. Người được ủy quyền dự họp DHĐCD phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</li> <li>3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp DHĐCD trong trường hợp sau đây:             <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</li> <li>b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</li> <li>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bô phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của SEABANK trong cùng thời kỳ;</li> <li>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử đã đăng ký tại SEABANK</li> <li>e) <i>Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ và các quy định khác có liên quan của SEABANK.</i></li> </ol> </li> </ol>	<p><b>Điều 45. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cổ đông, <i>người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</i> có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một <i>hoặc một số cá nhân, tổ chức khác</i> dự họp DHĐCD hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.</li> <li>2. Việc ủy quyền cho <i>cá nhân, tổ chức</i> dự họp DHĐCD phải lập bằng văn bản <i>phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan</i>. Cá nhân, <i>tổ chức</i> được ủy quyền dự họp DHĐCD phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</li> <li>3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp DHĐCD trong trường hợp sau đây:             <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</li> <li>b) Ủy quyền cho <i>cá nhân, tổ chức</i> khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</li> <li>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bô phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của SEABANK trong cùng thời kỳ;</li> <li>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử đã đăng ký tại SEABANK.</li> <li>e) <i>Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ và các quy định khác có liên quan của SEABANK.</i></li> </ol> </li> </ol>	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 141 và 144 LDN 2020

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 47. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cuộc họp ĐHĐCD được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.</li> <li>2. Trường hợp không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện tông số phiếu biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 phút kể từ thời điểm dự định họp theo quy định tại khoản 1 Điều này thì ĐHĐCD phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày triệu tập họp lần thứ nhất dự định khai mạc, trừ trường hợp ĐHĐCD hoặc HDQT có quyết định khác. Cuộc họp của ĐHĐCD triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</li> <li>3. Trường hợp ĐHĐCD lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện tông số phiếu biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 phút kể từ thời điểm dự định họp, thi ĐHĐCD lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày triệu họp lần thứ hai dự định khai mạc, trừ trường hợp ĐHĐCD hoặc HDQT có quyết định khác. Cuộc họp của ĐHĐCD lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</li> </ol>	<p>Điều 45.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cuộc họp ĐHĐCD được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <i>trên 50%</i> tổng số phiếu biểu quyết.</li> <li>2. Trường hợp <i>cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành</i> theo quy định tại khoản 1 Điều này thì <i>được triệu tập họp lần thứ hai</i> trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày <i>cuộc họp lần thứ nhất</i> dự định khai mạc, trừ trường hợp ĐHĐCD hoặc HDQT có quyết định khác. Cuộc họp của ĐHĐCD triệu tập lần thứ hai <i>được tiến hành</i> khi có số cổ đông <i>dự họp</i> đại diện <i>ít nhất 33%</i> tổng số phiếu biểu quyết.</li> <li>3. Trường hợp <i>cuộc họp ĐHĐCD lần hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi</i> trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày <i>đự định</i> họp lần thứ hai. Cuộc họp của ĐHĐCD lần thứ ba <i>được tiến hành</i> không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</li> </ol>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 145 Luật DN 2020</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
Điều 48. Thủ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cõi đồng	Điều 46. Thủ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cõi đồng	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 146 và Điều 150 Luật DN 2020
1. Trước khi khai mạc dự họp, phải tiến hành đăng ký e-mail để họp DHDCD.	3. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiêm phiêu được quy định như sau:	
2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiêm phiêu được quy định như sau:	a) Chủ tịch HDQT là người chủ tọa các cuộc họp DHDCD do HDQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch HDQT vắng mặt thì thành viên HDQT được Chủ tịch HDQT ủy quyền sẽ là chủ tọa cuộc họp DHDCD. Nếu Chủ tịch HDQT không ủy quyền cho bất kỳ thành viên HDQT nào, thì sau khi có đủ số e-mail để điều chỉnh tổng số phiếu biểu quyết theo quy định tại Điều 47 Điều lệ này, các thành viên HDQT e-mail lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiêm soát điều hành đê Đại hội đồng cõi đồng bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.	
7. Người triệu tập họp DHDCD có quyền yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, họp lý khác; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trực xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp DHDCD	7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp DHDCD có quyền yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, họp lý khác; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trực xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp DHDCD.	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 146 và Điều 150 Luật DN 2020
8.Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp DHDCD đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây,	8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp DHDCD đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba ngày làm việc kể từ ngày dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 146 và Điều 150 Luật DN 2020

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
<p>10. Cuộc họp ĐHĐCDĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản ĐHĐCDĐ gồm các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của SEABANK;</li> <li>b) Ngày tháng và địa điểm tổ chức ĐHĐCDĐ;</li> <li>c) Chương trình và nội dung họp;</li> <li>d) Họ, tên Chủ tọa và thư ký;</li> <li>e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCDĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</li> <li>f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</li> <li>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.</li> <li>h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.</li> <li>i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</li> </ul> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt, có thể được lập bằng tiếng nước ngoài (nếu cần). Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	<p>10. Cuộc họp ĐHĐCDĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản <i>đã</i> <i>phai</i> <i>gồm</i> <i>các</i> <i>nội</i> <i>dung</i> <i>chủ</i> <i>ý</i> <i>sau</i> <i>đây</i>:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của SEABANK;</li> <li>b) Ngày tháng và địa điểm tổ chức ĐHĐCDĐ;</li> <li>c) Chương trình và nội dung họp;</li> <li>d) Họ, tên Chủ tọa và thư ký;</li> <li>e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCDĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</li> <li>f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</li> <li>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.</li> <li>h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.</li> <li>i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</li> </ul> <p><i>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</i></p> <p>Biên bản họp ĐHĐCDĐ phải lập bằng tiếng Việt, có thể được lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng tiếng Việt và</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 146 và Điều 150 Luật DN 2020</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
	<i>tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</i>	

<p>Điều 49. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>3.Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>b) Mục đích lấy ý kiến;</li> <li>c) Họ, tên, địa chỉ <i>liên lạc</i>, quốc tịch, số <i>giấy tờ pháp lý</i> của <i>cá nhân đối với cổ đông là cá nhân</i>; tên, mã số doanh nghiệp, số <i>giấy tờ pháp lý của tổ chức</i>, địa chỉ trụ sở chính <i>đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc</i>, quốc tịch, số <i>giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức</i>; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</li> <li>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;</li> <li>e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</li> <li>f) Thời hạn phải gửi về SEABANK phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</li> <li>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HDQT.</li> </ul> <p>4.Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến SEABANK bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về SEABANK phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiêm phiếu;</li> <li>b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về SEABANK phải được giữ bí mật đến thời điểm kiêm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về SEABANK sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến</li> </ul>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 149 LDN 2020</p> <p>Điều 47.</p> <p>3.Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>b) Mục đích lấy ý kiến;</li> <li>c) Họ, tên, địa chỉ <i>liên lạc</i>, quốc tịch, số <i>giấy tờ pháp lý</i> của <i>cá nhân đối với cổ đông là cá nhân</i>; tên, mã số doanh nghiệp, số <i>giấy tờ pháp lý của tổ chức</i>, địa chỉ trụ sở chính <i>đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc</i>, quốc tịch, số <i>giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức</i>; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</li> <li>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;</li> <li>e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</li> <li>f) Thời hạn phải gửi về SEABANK phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</li> <li>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HDQT.</li> </ul> <p>4.Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến SEABANK bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về SEABANK phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiêm phiếu;</li> <li>b) Gửi fax hoặc/ và thư điện tử (theo số fax hoặc/ và thư điện tử đã được SEABANK thông báo): Phiếu lấy ý kiến gửi về</li> </ul>
--	--

**Điều lệ cũ**

SEABANK qua fax hoặc thư điện tử phải được gửi bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về SEABANK sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. HDQT tổ chức kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý của SEABANK. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - Số cổ đông với tổng số phiếu bầu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu bầu quyết hợp lệ và số phiếu không hợp lệ và phương thức gửi phiếu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - Các vấn đề đã được thông qua;
  - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HDQT, người đại diện theo pháp luật của SEABANK, người giám sát kiểm phiếu và người kiêm phiếu
8. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trong trường hợp SEABANK có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của SEABANK. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của SEABANK.

**Điều lệ mới**

không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. HDQT tổ chức kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý của SEABANK. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - Số cổ đông với tổng số phiếu bầu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu bầu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - Các vấn đề đã được thông qua và lý lẽ biểu quyết thông qua trong ứng;
  - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HDQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiêm phiếu.
8. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trong trường hợp SEABANK có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của SEABANK. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của SEABANK.

**Cơ sở để sửa đổi, bổ sung**

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
Điều 50. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cỗ đồng	Điều 48. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cỗ đồng	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 152 LDN 2020
1. Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCD có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.	1. <i>Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCD có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</i>	
2. Trường hợp có cỗ đồng, nhóm cỗ đồng yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCD theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	2. <i>Nghị quyết Đại hội đồng cỗ đồng được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ này.</i>	
	3. Trường hợp có cỗ đồng, nhóm cỗ đồng yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCD theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	
Điều 51, Điều 52	Điều 49, Điều 50. Bổ sung "nghị quyết"	Bổ sung theo Điều 151 và 152 LDN 2020
Điều 53. Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị	Điều 51.	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 153.1 Luật DN 2020 và Điều 276.2 ND 155
1. HDQT là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh SEABANK để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của SEABANK, trừ những vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCD.	1. HDQT là cơ quan quản lý của SEABANK có toàn quyền nhân danh SEABANK để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của SEABANK, trừ những vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCD.	
2. HDQT SEABANK có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Tối thiểu ½ (một phần hai) tổng số thành viên HDQT phải là thành viên không phải là người điều hành và thành viên độc lập. Góp vốn Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới.	2. HDQT SEABANK có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Tối thiểu ½ (một phần hai) tổng số thành viên HDQT phải là thành viên không phải là người điều hành và thành viên độc lập. Góp vốn Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới.	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
Điều 54. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị Chưa quy định	Điều 52. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị <i>10. Xây dựng Quy chế hoạt động của HDQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi ban hành.</i>	Bổ sung theo Điều 270, 278 ND 155
12. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên của SEABANK. <del>Quyết định chưa rõ chức kiêm toán độc lập để kiêm toán eae Công ty eea</del>	12. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên của SEABANK.	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 138.2.m LDN 2020 (DHBCĐ có quyền phê duyệt danh sách công ty kiêm toán độc lập, quyết định kiêm toán độc lập SB theo đề xuất của Ban Kiểm soát)
24. Chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của NHNN.	Bãi bỏ	Vì theo Luật các TCTD, bộ phận KTNB thuộc BKS và
Điều 55. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị	Điều 53. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 156.4 Luật DN 2020
1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HDQT do HDQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số những thành viên HDQT đã được DHDCĐ bầu ra. Trường hợp Chủ tịch HDQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HDQT, phù hợp với quy định của SEABANK trong cùng thời kỳ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HDQT theo nguyên tắc đa số.	2. Trường hợp Chủ tịch HDQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì <i>phải</i> ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HDQT, phù hợp với quy định của SEABANK trong cùng thời kỳ. Trường hợp không có người được ủy quyền <i>hoặc</i> Chủ tịch HDQT, phù hợp với quy định của SEABANK trong <i>chấp hành hình phạt, bị tạm giam, đang chinh tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, co sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định</i> thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HDQT theo nguyên tắc đa số <i>cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị</i> .	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
4.i. Báo cáo kịp thời và đầy đủ với HDQT các khoản thù lao mà thành viên HDQT nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của SEABANK (nếu có);	5.i Báo cáo kịp thời và đầy đủ với HDQT các khoản thù lao mà thành viên HDQT nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 41.5 Luật chứng khoán; Điều 277.2.c ND 155
Không quy định	<p>6. Thành viên độc lập HDQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:<sup>10</sup></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật chứng khoán;</li> <li>b. Thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn do Chủ tịch phân công và các quyền hạn, nhiệm vụ khác của thành viên HDQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</li> </ul>	Bổ sung theo Điều 277.3 ND 155.
Điều 56. Các cuộc họp Hội đồng quản trị:	Điều 54. Các cuộc họp Hội đồng quản trị:	Sửa đổi theo điều Điều 157.1 LDN 2020
1. Chủ tịch HDQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HDQT kỳ HDQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HDQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp HDQT	1.Chủ tịch HDQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HDQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HDQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ tri. Trường họp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp HDQT	Sửa đổi theo điều Điều 157.1 LDN 2020
3. Cuộc họp Bất thường: Cuộc họp bất thường của HDQT được Chủ tịch HDQT triệu tập nếu xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của:	3. Cuộc họp Bất thường: Cuộc họp bất thường của HDQT được Chủ tịch HDQT triệu tập nếu xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của:	Sửa đổi theo điều Điều 157.1 LDN 2020
a. Ít nhất hai thành viên điều hành của HDQT;	a) Ít nhất hai thành viên HDQT	
Điều 57. Điều kiện tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị Chủ tịch HDQT triệu tập nếu xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của:	Điều 55. Điều kiện tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 157 Luật DN 2020
2.Thành viên HDQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:	2.Thành viên HDQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:	
a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;	e) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
<p>b) Uy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định của Điều lệ này và quy định của SEABANK có liên quan;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p>	<p>f) Uy quyền cho người khác đến dự họp và <i>biểu quyết</i> theo quy định của Điều lệ này và quy định của SEABANK có liên quan;</p> <p>g) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, <i>bỏ phiếu điện tử</i> hoặc hình thức <i>điện tử</i> khác theo quy định của SeABank trong <i>từng thời kỳ</i>.</p>	
Điều 58. Thông báo, Chương trình và tài liệu họp Hội đồng quản trị	Điều 56. Thông báo, Chương trình và tài liệu họp Hội đồng quản trị	Sửa đổi theo Điều 157.6.7 Luật DN 2020
	2. Thông báo mời họp có thể được gửi bằng <i>giấy mời</i> , điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác và bao gồm địa chỉ liên lạc của từng thành viên HDQT được đăng ký tại SEABANK.	

**Điều 2.** Biên bản họp Hội đồng quản trị<sup>11</sup>

1. Cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài.

2. Biên bản họp có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;  
g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;  
h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này..

3. Chủ tọa và người ghi biên bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung Biên bản họp HĐQT.

4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SEABANK.

5. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng

**Điều 58. Biên bản họp HĐQT**

Sửa đổi, bổ sung theo Điều 158 Luật DN 2020

1. Cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài.

2. Biên bản họp có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;  
g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;  
h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này..

8. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 2 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

- Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung Biên bản họp HĐQT.
- Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SEABANK.

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
	11. <i>Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.</i>	
Điều 61.	Điều 59. <i>Thâm quyền và thê thúc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản</i>	Sửa đổi theo Điều 158 LDN 2020
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	
a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;	h) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;	
b) Mục đích lấy ý kiến;	i) Mục đích lấy ý kiến;	
c) Họ, tên của thành viên HDQT;	j) Họ, tên và <i>địa chỉ liên lạc</i> của thành viên HDQT;	
d) Văn đề cần lấy ý kiến;	k) Văn đề cần lấy ý kiến để thông qua;	
e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;	l) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;	
f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về SEABANK;	m) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về SEABANK;	
g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HDQT.	n) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HDQT.	
5. Thu ký HDQT kiêm phiếu và lập biên bản kiêm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây.	5. Thu ký HDQT kiêm phiếu và lập biên bản kiêm phiếu dưới sự giám sát của tôi /hiểu mọi thành viên HDQT đọc /lập hoặc 02 thành viên HDQT và Ban kiêm soát. Biên bản kiêm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây.	Sửa đổi theo Điều 158 LDN 2020
7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của HDQT thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HDQT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	Bổ sung theo Điều 158 LDN 2020	
Điều 62.	Điều 60.	- Bài bổ quy định về nhiệm kỳ của Người phụ trách

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
2. HDQT sẽ có các cán bộ nhân viên giúp việc chuyên trách và HDQT sẽ quy định cụ thể số lượng và các nhiệm vụ của mỗi thành viên giúp việc. <del>Hỗ trợ hợp SEABANK kiêm yết, HDQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Ngân hàng để hỗ trợ hoạt động quản trị Ngân hàng có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Ngân hàng là năm (05) năm.</del> Người phụ trách quản trị Ngân hàng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện và có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và quy định của SEABANK có liên quan	2. HDQT sẽ có các cán bộ nhân viên giúp việc chuyên trách và HDQT sẽ quy định cụ thể số lượng và các nhiệm vụ của mỗi thành viên giúp việc. HDQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Ngân hàng để hỗ trợ hoạt động quản trị Ngân hàng được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Ngân hàng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện và có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và quy định của SEABANK có liên quan. <i>Người phụ trách Quản trị Ngân hàng có thể kiêm nhiệm Thư ký Công ty theo quy định của LDN 2020.</i>	Quản trị Công ty vì pháp luật không quy định. - Bổ sung quy định về kiêm nhiệm theo Điều 281 ND 155
Điều 63. Thủ ký Hội đồng quản trị	Điều 61. Thủ ký Hội đồng quản trị	Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 43 LCTCTD, Điều 156 Luật DN.
1. Chủ tịch HDQT có thể tuyển dụng và bổ nhiệm Thủ ký chuyên trách và quy định chức năng, nhiệm vụ của Thủ ký để hỗ trợ HDQT thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ SEABANK.	1. HDQT có thể tuyển dụng và bổ nhiệm Thủ ký chuyên trách và quy định chức năng, nhiệm vụ của Thủ ký để hỗ trợ HDQT thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ SEABANK.	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo Điều Điều 168 LDN 2020 và Điều 50.3.đ Luật các TCTD
Điều 65. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát	Điều 63. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo Điều Điều 168 LDN 2020 và Điều 50.3.đ Luật các TCTD
2. BKS có số thành viên ít nhất là ba (03) thành viên, trong đó có ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác <del>tại tổ chức tài chính</del> hoặc doanh nghiệp khác và phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiêm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại SEABANK, trừ trường hợp HDQT quy định tiêu chuẩn khác cao hơn	2. BKS có số thành viên ít nhất là ba (03) thành viên và <i>nhiều nhất là 05 (năm) thành viên</i> , trong đó có ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại SEABANK hoặc doanh nghiệp khác. <i>Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. Trường Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của SEABANK.</i>	

<p>Điều 66.2 Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát</p> <p>f) Đè xuất và kiến nghị DHDCD phê <i>đuyệt danh sách</i> tổ chức kiểm toán <i>được chấp thuận</i> thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của SEABANK; <i>quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng</i>.</p> <p>g) Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của ngân hàng khi thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của DHDCD hoặc theo yêu cầu của cỗ đồng hoặc nhóm cỗ đồng quy định tại Khoản 2 Điều 38 Điều lệ này. BKS triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cỗ đồng hoặc nhóm cỗ đồng nêu trên. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cỗ đồng hoặc nhóm cỗ đồng có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của SEABANK.</p> <p>h) Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của ngân hàng khi thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của DHDCD hoặc yêu cầu của cỗ đồng hoặc nhóm cỗ đồng quy định tại Khoản 2 Điều 38 Điều lệ này. BKS triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cỗ đồng hoặc nhóm cỗ đồng nêu trên. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cỗ đồng hoặc nhóm cỗ đồng có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của SEABANK.</p> <p>i) Kiến nghị HĐQT hoặc DHDCD các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng (nếu có).</p> <p>j) Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý SEABANK trong vòng 48 giờ theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).</p> <p>k) Lập danh sách những người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cỗ đồng sáng lập, cỗ đồng lớn của ngân hàng; lưu giữ và cập nhật <i>thay đổi</i> danh sách này.</p>	<p>Điều 64.2 Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát</p> <p>f) Đè xuất và kiến nghị DHDCD phê <i>đuyệt danh sách</i> tổ chức kiểm toán <i>được chấp thuận</i> thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của SEABANK; <i>quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng</i>.</p> <p>g) Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của ngân hàng khi thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của DHDCD hoặc theo yêu cầu của cỗ đồng hoặc nhóm cỗ đồng quy định tại Khoản 2 Điều 38 Điều lệ này. BKS triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cỗ đồng hoặc nhóm cỗ đồng nêu trên. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cỗ đồng hoặc nhóm cỗ đồng có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của SEABANK.</p> <p>j) Lập danh sách những người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cỗ đồng sáng lập, cỗ đồng lớn của ngân hàng; lưu giữ và cập nhật <i>thay đổi</i> danh sách này.</p>
<p>Điều 64.2 Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát</p> <p>3.9.1 TT116/2020 và Điều 45 Luật DN 2020, và Điều 45.7 Luật các TCTD</p> <p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều</p>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
m) Triệu tập họp HDQCT bất thường trong trường hợp HDQCT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều lệ này, quy định của pháp luật và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này	Điều 67. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát:	Sửa đổi, bổ sung heo Điều 171 Luật DN 2020
3. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:	<p>a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HDQCT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HDQCT.</p> <p>b) Các nghị quyết và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HDQCT phải được gửi đến cho các thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên HDQCT.</p> <p>c) Báo cáo của TGD trình HDQCT hoặc tài liệu khác do SEABANK phát hành được gửi đến các thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HDQCT.</p> <p>d) Thành viên BKS có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và cán bộ nhân viên của Ngân hàng trong giờ làm việc.</p> <p>e) Hội đồng quản trị, Thành viên HDQCT, Tổng Giám đốc, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của SEABANK theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.</p>	<p>i. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HDQCT và tài liệu kèm theo.</p> <p>ii. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HDQCT.</p> <p>iii. Báo cáo của Tổng giám đốc trình HDQCT hoặc tài liệu khác do SEABANK phát hành.</p> <p>b) Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của SEABANK lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và cán bộ nhân viên của SEABANK trong giờ làm việc.</p> <p>c) Hội đồng quản trị, Thành viên HDQCT, Tổng Giám đốc, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của SEABANK theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.</p>
Điều 69.1. Tổng Giám đốc và Bộ máy giúp việc	Điều 67. 1 Tổng Giám đốc và Bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất <i>công việc kinh doanh hàng ngày</i> của SEABANK; chịu sự giám sát của HDQCT;	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 162 LDN 2020

<b>Điều lệ cũ</b>	<b>Điều lệ mới</b>	<b>Cơ sở để sửa đổi, bổ sung</b>
Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của SEABANK, chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHĐCĐ và HĐQT, BKS về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.	Điều 70. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:	chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHĐCĐ và HĐQT, BKS về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao
Điều 72. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:	1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 75 của Điều lệ này và không thuộc các trường hợp sau: a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của SEABANK; b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó. 2. Có đạo đức nghề nghiệp; 3. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; 4. Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán; 5. Không phải là người có liên quan của người quản lý của SEABANK; 6. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm (đối với thành viên Ban kiểm soát chuyên trách); 7. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.	Điều 70. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: 1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 73 của Điều lệ này và không thuộc các trường hợp sau: a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của SEABANK; b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập <i>được chấp thuận</i> thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của SEABANK trong 03 năm liền trước đó. 2. Có đạo đức nghề nghiệp; 3. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; 4. Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán; 5. Không phải là người có liên quan của người quản lý của SEABANK; 6. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm (đối với thành viên Ban kiểm soát chuyên trách); 7. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
Điều 73. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: 1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 75 của Luật này;	Điều 71. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: 1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 73 của Điều lệ này;  7. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 164 LDN 2020
Điều 81.  4. SEABANK phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của SEABANK theo quy định của LDN 2014 và các giao dịch tương ứng của họ với Ngân hàng.  5. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều này được thực hiện theo quy định của LDN 2020, quy định của NHNN và quy định nội bộ của SEABANK trong từng thời kỳ.  6. SEABANK phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày SEABANK nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.	Điều 79. Công khai lợi ích liên quan  4. SEABANK phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của SEABANK theo quy định của LDN 2020 và các họp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Ngân hàng.  5. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều này được thực hiện theo quy định của LDN 2020, quy định của NHNN và quy định nội bộ của SEABANK trong từng thời kỳ.  6. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của SEABANK đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, BKS và chỉ được thực hiện khi được đã số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tái cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về SEABANK.	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 164 LDN 2020

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 83.</p> <p>2. HDQT hoặc người khác theo quyết định của HDQT nhân danh SEABANK thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu tại các Công ty con của SEABANK.</p> <p>3. HDQT SEABANK quyết định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty con phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của SEABANK;</li> <li>b) Định hướng, chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty con;</li> <li>c) Quyết định nội dung Điều lệ Công ty, sửa đổi và bổ sung, thay thế Điều lệ Công ty phù hợp với pháp luật và quy định nội bộ của SEABANK;</li> <li>d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty hoặc các chức danh khác theo quy định nội bộ do HDQT ban hành;</li> <li>e) Các nội dung khác theo quy định nội bộ của SEABANK, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.</li> </ul> <p>4. HDQT hoặc Tổng Giám đốc, tùy theo quy định nội bộ để HDQT ban hành, ban hành quy chế, quy trình, quy định áp dụng cho Công ty con và phân cấp ủy quyền cho các tổ chức, cá nhân trong hệ thống SEABANK.</p>	<p>Điều 81. Mỗi quan hệ giữa SEABANK và Công ty con</p> <p>2. HDQT hoặc người được HDQT phân cấp thẩm quyền, ủy quyền có quyền nhân danh SEABANK thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu tại các Công ty con của SEABANK, cụ thể bao gồm những không hạn chế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) <u>Quyết định/ Phê duyệt</u> cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty con phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của SEABANK;</li> <li>b) <u>Quyết định/ Phê duyệt</u> định hướng, chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty con;</li> <li>c) <u>Quyết định/ Phê duyệt</u> nội dung Điều lệ Công ty, sửa đổi và bổ sung, thay thế Điều lệ Công ty con phù hợp với pháp luật và quy định nội bộ của SEABANK;</li> <li>d) <u>Quyết định/ Phê duyệt</u> việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty con hoặc các chức danh khác theo quy định nội bộ do HDQT ban hành;</li> <li>e) <u>Quyết định/ Phê duyệt</u> các nội dung khác theo quy định nội bộ của SEABANK, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.</li> </ul>	<p>Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quyền chủ sở hữu đổi với Công ty con theo quy định của Luật các TCTD và thực tế của SeABank.</p>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở để sửa đổi, bổ sung
Điều 94. Cố tức	Điều 92. Cố tức	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 135 LDN 2020
1. Cố tức trả cố đồng phỗ thông được xác định căn cứ vào lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cố tức được trích từ nguồn lợi nhuận gửi lại của SEABANK. SEABANK chỉ được trả cố tức cho cố đồng khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác; trích lập các quỹ của SEABANK và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật; ngay sau khi trả hết số cố tức, SEABANK vẫn phải bao đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.	1. Cố tức trả cố đồng phỗ thông được xác định căn cứ vào lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cố tức được trích từ nguồn lợi nhuận gửi lại của SEABANK. SEABANK chỉ được trả cố tức cho cố đồng khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác; trích lập các quỹ của SEABANK và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật; ngay sau khi trả hết số cố tức, SEABANK vẫn phải bao đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.  2. Cố tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCD thường niên. HĐQT phải lập danh sách cố đồng được nhận cố tức, xác định mức cố tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cố tức. Thông báo về trả cố tức được gửi bằng phương thức để đảm bảo đến cố đồng theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cố đồng chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cố tức.	Thông báo phải ghi rõ tên SEABANK và địa chỉ trụ sở chính; họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cố tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cố tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của SEABANK.
2. Cố tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCD thường niên. HĐQT phải lập danh sách cố đồng được nhận cố tức, xác định mức cố tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cố tức. Thông báo về trả cố tức được gửi bằng phương thức để đảm bảo đến cố đồng theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cố đồng chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cố tức.	Thông báo phải ghi rõ tên SEABANK và địa chỉ trụ sở chính; họ, tên, địa chỉ thương trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân/ Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cố đồng là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp/ số quyết định thành lập của cố đồng là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cố đồng; mức cố tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cố đồng đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cố tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của SEABANK.	Phù hợp sự thay đổi của cơ quan trọng tài và Tòa án.
Điều 104. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều 102. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều 102. Giải quyết tranh chấp nội bộ  2. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hòa giải trong vòng 90 ngày từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của hòa giải viên không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền.
2. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hòa giải trong vòng 90 ngày từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của hòa giải viên không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.		

